ĐỆ TỬ QUY CÔNG QUÁ CÁCH

Bảng xét công / tội theo Phép tắc người con

Thời gian: Tháng _____ năm 20_____ Tuần _____

Người thực hiện: _____

Tổng tựa:

Phép người con, Thánh nhân dạy: Hiếu Đễ trước, kế cẩn tín

Yêu bình đẳng, gần người nhân, Có dư sức, thì học văn

Kinh văn / Thứ		T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	Σ
NHẬP TẮC HIẾU	2. Cha mẹ gọi, trả lời ngay								
	Cha mẹ bảo, chớ làm biếng								
	Cha mẹ dạy, phải kính nghe								
	Cha mẹ trách, phải thừa nhận								
	3. Đông phải ấm, hạ phải mát								
	Sáng phải thăm, tối phải viếng								
	Đi phải thưa, về phải trình								
	Ở ổn định, nghề không đổi								
	4. Việc tuy nhỏ, chớ tự làm Nếu đã làm, thiếu đạo con								
	Vật tuy nhỏ, chớ cất riêng Nếu cất riêng, cha mẹ buồn								
	5. Cha mẹ thích, dốc lòng làm								
	Cha mẹ ghét, cẩn thận bỏ								
	Thân bị thương, cha mẹ lo								
	Đức tổn thương, cha mẹ tủi								
	Cha mẹ thương, hiếu đâu khó								
	Cha mẹ ghét, hiếu mới tốt								
	6. Cha mẹ lỗi, khuyên thay đổi Mặt ta vui, lời ta dịu								
	Khuyên không nghe, vui can tiếp Dùng khóc khuyên, đánh không giận								
	7. Cha mẹ bệnh, nếm thuốc trước								
	Ngày đêm hầu, không rời giường								
	Tang ba năm, thường thương nhớ								
	Chỗ ở đổi, không rượu thịt								
	Tang đủ lễ, cúng hết lòng								
	Việc người chết, như người sống								
XUẤT TẮC ĐỆ	8. Anh thương em, em kính anh. Anh em thuận, hiếu trong đó.								
	Tiền của nhẹ, oán nào sanh.								
	Lời nhường nhịn, tức giận mất.								
	9. Hoặc ăn uống, hoặc đi đứng. Người lớn trước, người nhỏ sau.								
	Lớn gọi người, liền gọi thay.								
	Người không có, mình làm thay.								
	10. Gọi người lớn, chớ gọi tên.								
	Với người lớn, chớ khoe tài.								
	Gặp trên đường, nhanh đến chào.								
	Người không nói, kính lui đứng.								
	Phải xuống ngựa, phải xuống xe.								
	Đợi người đi, hơn trăm bước.								

Kinh văn / Thứ		T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	Σ
	11. Người lớn đứng, nhỏ chớ ngồi								
	Người lớn ngồi, cho phép ngồi.								
	Trước người lớn, phải nói nhỏ. Nhỏ không nghe, không đúng phép.								
	Đến phải nhanh, lui phải chậm.								
	Khi hỏi đáp, mắt nhìn thẳng.								
	12. Việc chú bác, như việc cha.								
	Việc anh họ, như anh ruột.								
CẨN	13. Sáng dậy sớm, tối ngủ trễ.								
	Lúc chưa già, quý thời gian.								
	Sáng rửa mặt, phải đánh răng.								
	Tiểu tiện xong, rửa tay sạch.								
	14. Mũ phải ngay, nút phải gài.								
	Vớ và giày, mang chỉnh tề.								
	Nón quần áo, để cố định. Chớ để bừa, tránh dơ bẩn.								
	15. Áo quý sạch, không quý đắt.								
	Hợp thân phận, hợp gia đình.								
	Với ăn uống, chớ kén chọn.								
	Ăn vừa đủ, chớ quá no.								
	Tuổi còn nhỏ, chớ uống rượu. Uống say rồi, rất là xấu.								
	16. Đi thong thả, đứng ngay thẳng								
	Chào cúi sâu, lạy cung kính.								
	Chớ đạp thềm, không đứng nghiêng.								
	Chớ ngồi dang, không rung đùi.								
	17. Vén rèm cửa, chớ ra tiếng.								
	Rẽ quẹo rộng, chớ đụng góc.								
	Cầm vật rỗng, như vật đầy.								
	Vào phòng trống, như có người.								
	Chớ làm vội, vội sai nhiều.								
	Không sợ khó, chớ qua loa.								
	Nơi ồn náo, không đến gần.								
	Việc không đáng, quyết chớ hỏi.								
	18. Sắp vào cửa, hỏi có ai.								
	Sắp vào nhà, cất tiếng lớn.								
	Người hỏi ai, nên nói tên. Nói ta – tôi, không rõ ràng.								
	Dùng đồ người, cần mượn rõ. Nếu không hỏi, tức là trộm.								
	Mượn đồ người, trả đúng hẹn. Sau có cần, mượn không khó.								
TÍN	19. Phàm nói ra, tín trước tiên. Lời dối trá, sao nói được.								
	Nói nhiều lời, không bằng ít. Phải nói thật, chớ xảo nịnh.								
	Lời gian xảo, từ bẩn thỉu. Thói tầm thường, phải trừ bỏ.								
	20. Thấy chưa thật, chớ nói bừa.								
	Biết chưa đúng, chớ tuyên truyền.								

Kinh văn / Thứ		T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	Σ
	Việc không tốt, chớ dễ nhận. Nếu dễ nhận, tiến lui sai.								
	Phàm nói chuyện, nói trọng điểm. Chớ nói nhanh, chớ mơ hồ.								
	Kia nói phải, đây nói quấy. Không liên quan, chớ để ý.								
	21. Thấy người tốt, nên sửa mình. Dù còn xa, cũng dần kịp.								
	Thấy người xấu, tự kiểm điểm. Có thì sửa, không cảnh giác.								
	22. Chỉ đức học, chỉ tài nghệ. Không bằng người, phải tự gắng.								
	Nếu quần áo, hoặc ăn uống, Không bằng người, không nên buồn.								
	23. Nghe lỗi giận, nghe khen vui. Bạn xấu đến, bạn hiền đi.								
	Nghe khen sợ, nghe lỗi vui. Người hiền lương, dần gần gũi.								
	24. Lỗi vô ý, gọi là sai. Lỗi cố ý, gọi là tội.								
	Biết sửa lỗi, không còn lỗi. Nếu che giấu, lỗi chồng thêm.								
PHIẾM ÁI CHÚNG	25. Phàm là người, đều yêu thương Che cùng trời, ở cùng đất.								
	26. Người hạnh cao, danh tự cao. Mọi người trọng, không bề ngoài.								
	Người tài năng, tiếng tự cao. Được người phục, chẳng do khoe.								
	27. Mình có tài, chớ dùng riêng. Người có tài, không chỉ trích.								
	Không nịnh giàu, chớ khinh nghèo								
	Chớ ghét cũ, không thích mới.								
	Người không rảnh, chớ não phiền.								
	Người bất an, không quấy nhiễu.								
	28. Người có lỗi, chớ vạch trần.								
	Việc riêng người, chớ nói truyền.								
	Khen người thiện, tức là tốt. Người biết được, càng tốt hơn.								
	Khen người ác, chính là ác. Ác cùng cực, tai họa đến.								
	Cùng khuyên thiện, cùng lập đức.								
	Lỗi không ngăn, đôi bên sai.								
	29. Hễ nhận cho, phân biệt rõ. Cho nên nhiều, nhận nên ít.								
	Sắp cho người, trước hỏi mình. Mình không thích, phải mau ngưng.								
	Ân phải báo, oán phải quên. Báo oán ngắn, báo ân dài.								
	30. Đối người ở, thân đoan chánh. Tuy đoan chánh, lòng độ lượng.								
	Thế phục người, người không phục. Lý phục người, tâm mới phục.								

Kinh văn / Thứ		T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	Σ
THÂN NHÂN	31. Cùng là người, khác tộc loại. Thô tục nhiều, nhân từ ít.								
	Đúng người nhân, người kính sợ. Nói thẳng lời, không dẻ nịnh.								
	Gần người hiền, tốt vô hạn. Đức tiến dần, lỗi ngày giảm.								
	Không gần hiền, hại vô cùng. Tiểu nhân đến, trăm việc hư.								
DƯ LỰC HỌC VĂN	32. Không gắng làm, chỉ học văn. Chỉ bề ngoài, thành người nào.								
	Nếu gắng làm, không học văn. Theo ý mình, mù lẽ phải.								
	33. Cách đọc sách, có ba điểm. Tâm mắt miệng, tin đều trọng.								
	Mới đọc đây, chớ thích kia. Đây chưa xong, kia chớ đọc.								
	Thời gian ít, cần chăm chỉ. Công phu đủ, đọc liền thông.								
	Tâm có nghi, thì chép lại. Học hỏi người, mong chính xác.								
	34. Gian phòng sạch, vách tường sạc Bàn học sạch, bút nghiên ngay.								
	Mực mài nghiêng, tâm bất chánh. Chữ viết ẩu, tâm không ngay.								
	Xếp sách vở, chỗ cố định. Đọc xem xong, trả chỗ cũ.								
	Tuy có gấp, xếp ngay ngắn. Có sai hư, liền tu bổ.								
	Không sách Thánh, bỏ không xem Che thông minh, hư tâm chí.								
	KẾT KHUYẾN								
	Chớ tự chê, đừng tự bỏ. Thánh và Hiền, dần làm được.								

THẬP THIỆN NGHIỆP CÔNG QUÁ CÁCH

Bảng xét công / tội theo mười điều thiện

Thiện / Thứ		T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	Σ
MƯỜI ĐIỀU THIỆN	Không sát sinh								
	Không trộm cắp								
	Không tà hạnh								
	Không nói dối								
	Không nói đôi chiều								
	Không nói thô ác								
	Không nói quá								
	Không tham lam								
	Không sân hận								
	Không tà kiến								